

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 330/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Bà Nguyễn Thị Sơn Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 616/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. **Bị đơn:** Ông **Trần Văn Tứ Q**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: tổ H, ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Văn Tứ Q vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 18 tháng 7 năm 2023, đơn đề nghị đề ngày 25 tháng 10 năm 2023, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Văn Tứ Q bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2017, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam vào ngày 16/01/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề tiền bạc. Đến nay vợ chồng không còn tiếng nói chung, tiền bạc không rõ ràng. Tháng 8/2023 vợ chồng bà làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý thì ông Trần Văn Tứ Q thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với bà nhưng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy tình cảm tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Tứ Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Bùi Gia B, sinh ngày 16/10/2017. Hiện tại trẻ Trần Bùi Gia B đang sinh sống cùng bà tại tỉnh Quảng Nam. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Trần Bùi Gia Bào, không yêu cầu ông Trần Văn Tứ Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Văn Tứ Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 02 tháng 8 năm 2023, Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Tứ Q không đến Tòa án để giải quyết đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Đồng thời bà Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án chuyển vụ việc thành vụ án ly hôn. Căn cứ khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã ra thông báo chuyển vụ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thành vụ án tranh chấp ly hôn và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử xác định đây

là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh do Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bị đơn ông Trần Văn Tứ Q có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn Tứ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Q theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn ông Trần Văn Tứ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không nộp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn nên ông Q đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 do bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Tứ Q đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T: Căn cứ vào lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định trong quá trình chung sống, bà và ông Q có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Tứ Q.

[7] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình*

hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[9] Mặc dù địa phương chưa giải quyết mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông Q. Tuy nhiên, vào tháng 7/2023, bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Tứ Q đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy tại thời điểm bà T và ông Q nộp đơn yêu cầu nêu trên thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q đã có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Đồng thời, hiện tại bà T và ông Q không còn chung sống, điều này càng chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Q vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Q không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của ông và bà T.

[10] Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời khai của bà T thì trong quá trình chung sống, bà và ông Q mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc không rõ ràng, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T đối với bà Tuyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về con chung: Bà T xác định bà và ông Q có 01 con chung tên là Trần Bùi Gia B, sinh ngày 16/10/2017. Hiện tại trẻ Trần Bùi Gia B đang sinh sống cùng bà tại tỉnh Quảng Nam. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Trần Bùi Gia Bào, không yêu cầu ông Trần Văn Tứ Q cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với vấn đề con chung đồng thời hiện tại trẻ Trần Bùi Gia B đang sống cùng bà T nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của nguyên đơn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Trần Bùi Gia B bà Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo môi trường sống được ổn định, không ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về con chung thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[12] Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[13] Về nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Tứ Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Trần Văn Tứ Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 đăng ký ngày 16/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Tứ Q có 01 (một) con chung tên là Trần Bùi Gia B, sinh ngày: 16/10/2017.

Giao trẻ Trần Bùi Gia B cho bà Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Văn Tứ Q cho đến khi bà Bùi Thị T có yêu cầu.

Ông Trần Văn Tứ Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Bùi Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Bùi Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0020082 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Tứ Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Kim Tuyền